

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2021/KDTM-ST  
Ngày 29-10-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Mạnh

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLST-KDTM ngày 20 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2021/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 270/2021/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần QN (QN); địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà A, số B, phường C, quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông E, Cán bộ Ngân hàng TMCP QN (Theo văn bản ủy quyền số 55948.21 ngày 27/7/2021), có mặt.

*2. Bị đơn:*

Chị NTHN, sinh năm 1983; địa chỉ: Số F, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Anh NTP, sinh năm 1984, nơi ĐKNKTT: Số I, phường J, quận H, thành phố Hải Phòng; hiện tạm trú tại Canada, vắng mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông NLQ1, sinh năm 1956 và bà NLQ2, sinh năm 1960, anh NLQ3, sinh năm 1982, cùng nơi cư trú: Số I, phường J, quận H, thành phố Hải Phòng, đều vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của ông NLQ1, anh NLQ3:* Bà K, sinh năm 1966, nơi ĐKNKTT: Số 118 L, phường L, quận M, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Tổ dân phố N, thị trấn O, huyện P, thành phố Hải Phòng, (theo văn bản ủy quyền ngày 26/7/2021), có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, đại diện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP QN (gọi tắt là Ngân hàng QN) trình bày:*

Ngân hàng QN và bà NTHN và ông NTP (là hộ kinh doanh cá thể) đã ký Hợp đồng tín dụng số 029/HĐTD1-QN060/13 ngày 25/01/2013, cụ thể như sau : Số tiền vay: 500.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh vật liệu xây dựng; Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 25/01/2013 đến 24/01/2014; Lãi suất: tại thời điểm giải ngân và có sự điều chỉnh phù hợp quy định của QN và pháp luật, lãi suất thả nổi theo từng khế ước; Lãi quá hạn: 150% lãi suất cho vay. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là Quyền sử dụng 59m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 03 tầng diện tích xây dựng là 59m<sup>2</sup> tại thửa số 172, tờ bản đồ 04 theo GCN số AI 689637 cấp ngày 16/8/2007 cho ông NLQ1 và bà NLQ2 tại số I, phường J, quận H, thành phố Hải Phòng theo hợp đồng thế chấp số 029/2013/BĐ ngày 26/01/2013.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 25/01/2013, ngân hàng đã giải ngân cho ông NTP, và bà NTHN số tiền 500 triệu đồng theo Khế ước nhận nợ số 029.03/KU'NN1-QN060/13 ngày 24/01/2014: số tiền 500.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng từ 24/01/2014; lãi suất 13,29%/năm, điều chỉnh 03 tháng/1 lần, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất cho vay công bố tại thời điểm điều chỉnh. Trả nợ gốc vào 24/07/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/5/2014, tính đến ngày 7/4/2020, bị đơn mới trả được gốc là 108.521.025 đồng và lãi là 33.409.584 đồng.

*Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền tính đến ngày 29/10/2021 là 976.185.463 đồng trong đó: gốc 391.478.975 đồng, lãi trong hạn 15.667.073 đồng, lãi quá hạn 569.039.415 đồng. Bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn theo đúng quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến ngày bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng được yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm để xử lý thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, thì bị đơn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho ngân hàng.

Bị đơn là chị NTHN hiện hay vắng mặt tại địa phương, không cung cấp lời khai cho Tòa án; anh NTP hiện đang ở Canada, không có địa chỉ cụ thể, không cung cấp lời khai cho Tòa án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*Ông NLQ1, bà NLQ2 trình bày:* Ông NLQ1, bà NLQ2 là bố mẹ của anh NTP. Việc vay nợ giữa ngân hàng và anh NTP, chị NTHN ông bà có được biết, nhưng vay cụ thể số tiền bao nhiêu thì ông bà rõ. Đúng là chữ ký của ông NLQ1, bà NLQ2 tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho khoản vay của anh NTP, chị NTHN. Nguồn gốc diện tích 59m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 03 tầng diện tích xây dựng là 59m<sup>2</sup> tại thửa số 172, tờ bản đồ 04 theo GCN số AI 689637 cấp ngày 16/8/2007 cho ông NLQ1 và bà NLQ2 tại số I, phường J, quận H,

thành phố Hải Phòng là của hai vợ chồng ông NLQ1, bà NLQ2. Tài sản thế chấp hiện do ông NLQ1, và bà NLQ2, anh Vinh cùng quản lý. Hiện anh NTP chị NTHN đã ly hôn. Quan điểm của ông NLQ1, bà NLQ2 đề nghị trả nợ thay vợ chồng anh NTP nhưng xin miễn lãi. Không đồng ý phát mại tài sản bảo đảm vì ông, bà không còn nơi ở khác, và đề nghị xem xét lại mức lãi suất của ngân hàng đang áp dụng. Tài sản thế chấp là 59m<sup>2</sup> đất và ngôi nhà 3 tầng trên đất không có gì khác so với thời điểm thế chấp.

*Anh NLQ3 trình bày:* Anh NLQ3 là con của ông NLQ1 bà NLQ2. Tài sản ngôi nhà thế chấp là của ông NLQ1 bà NLQ2, hiện do ông NLQ1, bà NLQ2, anh NLQ3 và các con anh NTP chị NTHN cùng ở. Năm 2016-2017 anh NLQ3 có bỏ 100.000.000 đồng sửa nhà, là tiền cá nhân của anh NLQ3. Anh đề nghị tòa án xem xét đảm bảo quyền lợi cho anh và không đồng ý phát mại tài sản thế chấp vì không còn nơi ở nào khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông NLQ1, anh NLQ3 vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày như trên. Nguyên đơn bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện đề nghị bị đơn trả cho nguyên đơn các chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm tuyên án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP QN về yêu cầu anh NTP chị NTHN phải liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 976.185.463 đồng (gốc là 391.478.975 đồng, lãi trong hạn là 15.667.073 đồng, lãi quá hạn là 569.039.415 đồng). Về yêu cầu phát mại tài sản thế chấp: Nếu bị đơn không trả được nợ thì đề nghị phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 59m<sup>2</sup> và tài sản trên đất tại thửa đất số 172, tờ bản đồ 04 theo GCN số AL 689637 cấp ngày 16/8/2007 cho ông NLQ1 và bà NLQ2 tại địa chỉ số I, phường J, quận H, thành phố Hải Phòng. Ông NLQ1 bà NLQ2 được quyền ưu tiên mua lại tài sản thế chấp nếu có nhu cầu. Nếu tài sản thế chấp sau khi phát mại không đủ trả nợ thì anh NTP, chị NTHN tiếp tục phải liên đới chịu trách nhiệm cho đến khi trả hết nợ cho QN.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng là tổ chức kinh doanh với anh NTP, chị NTHN (hộ kinh doanh cá thể), mục đích vay của bị đơn là để bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng, hoạt động cho vay của ngân hàng cũng như hoạt động vay của bị đơn đều có mục đích lợi nhuận nên thuộc những tranh chấp về kinh doanh, thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS. Trong vụ án có bị đơn là anh NTP qua xác minh

tại chính quyền địa phương và tại công văn số 24698/QLXNC-P5 ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Cục quản lý XNC Bộ Công an thể hiện anh NTP hiện đã xuất cảnh đi nước ngoài từ ngày 6/5/2019, chưa có thông tin nhập cảnh. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 BLTTDS.

[2]. Về thủ tục tổng đạt cho bị đơn là anh NTP: Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ lời khai của ông NLQ1 (bố đẻ anh NTP), qua việc xác minh tại địa phương xác định anh NTP hiện đang ở Canada nhưng không có địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú cuối cùng của anh NTP và tại trụ sở Tòa án, đăng trên cổng thông tin điện tử của TAND và thông báo trên đài phát thanh dành cho người nước ngoài (VOV5) và được in trên trang thông tin điện tử của đài Tiếng nói Việt Nam. Tòa án đã làm văn bản yêu cầu Đại sứ quán Việt Nam tại Canada niêm yết và thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán. Căn cứ khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt một số người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn là chị NTHN, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ2 vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là chị NTHN, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà NLQ2 theo Điều 227 BLTTDS.

- Về nội dung:

[4]. Về Hợp đồng tín dụng số 029/HĐTD1-QN060/13 ngày 25/01/2013:

Xét hợp đồng tín dụng được lập thành văn bản, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng QN và anh NTP, chị NTHN. Các bên ký hợp đồng trên tinh thần tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 122, Điều 123 và Điều 124 BLDS năm 2005, Điều 17 của Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[5]. Xét yêu cầu đòi tiền nợ gốc:

Ngày 24/01/2014, ngân hàng đã giải ngân cho anh NTP, và chị NTHN số tiền 500 triệu đồng theo Khế ước nhận nợ số 029.03/KU'NN1-QN060/13 ngày 24/01/2014; thời hạn vay 06 tháng từ 24/01/2014; lãi suất 13,29%/năm, điều chỉnh 03 tháng/1 lần, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất cho vay công bố tại thời điểm điều chỉnh. Trả nợ gốc vào 24/07/2014. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/5/2014, tính đến ngày 7/4/2020, bị đơn đã trả gốc là 108.521.025 đồng, như vậy bị đơn còn phải trả nợ gốc là: 500.000.000 đồng - 108.521.025 đồng = 391.478.975 đồng.

[6]. Xét yêu cầu đòi số tiền nợ lãi trong hạn: Theo bảng tính nguyên đơn cung cấp cho Tòa án và theo sự thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ thể hiện: số tiền vay là 500.000.000đ với lãi suất tại thời điểm giải ngân là 13,29%/năm. Mức lãi suất do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 11 của Quy chế cho vay của TCTD đối với khách hàng kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, khoản 2 Điều 91 Luật các TCTD năm 2010 nên được chấp nhận. Do vậy, cần chấp nhận số tiền lãi trong hạn bị đơn còn nợ lại là 15.667.073 đồng.

[7]. Xét yêu cầu đòi số tiền nợ lãi quá hạn: Theo Điều 4 của Hợp đồng tín dụng thì lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Thời gian phát sinh lãi quá hạn là từ ngày 24/7/2014. Do vậy, số tiền lãi quá hạn từ ngày 24/7/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm là 569.039.415 đồng.

Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền 976.185.463 đồng trong đó: gốc 391.478.975 đồng, lãi trong hạn 15.667.073 đồng, lãi quá hạn 569.039.415 đồng.

[8]. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 029/2013/BĐ ngày 26/01/2013: Về hình thức: Hợp đồng thế chấp được ký giữa người đại diện của Ngân hàng QN là bên nhận thế chấp với bên thế chấp là ông NLQ1, bà NLQ2 (chủ tài sản thế chấp), hợp đồng đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng An Phát, được đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền. Về nội dung: Tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông NLQ1 và bà NLQ2, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do vậy mục đích và nội dung hợp đồng thế chấp không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 130 Luật Đất đai năm 2003; Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 715 BLDS năm 2005 nên Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm đăng ký thế chấp.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 30/6/2021 thể hiện diện tích đất thế chấp 59m<sup>2</sup> tại thửa số 172, tờ bản đồ 04 theo GCN số AI 689637 cấp ngày 16/8/2007 cho ông NLQ1 và bà NLQ2 tại số I, phường J, quận H, thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên hiện trạng so với thời điểm thế chấp và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có căn nhà 3 tầng được xây dựng trước khi thế chấp, hiện đất giữ nguyên hình thể, diện tích, không có tranh chấp với các hộ dân xung quanh.

Anh NLQ3 trình bày năm 2017 có bỏ ra khoảng 100 triệu đồng để xây sửa lại khu vực nhà vệ sinh, sân trước, sân sau của căn nhà. Xét khi xây sửa lại căn nhà, anh NLQ3 có biết việc nhà đất đang thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của anh NTP, chị NTHN; khi xây sửa anh NLQ3 không thông báo, cũng không được sự đồng ý của ngân hàng, ngân hàng không biết việc xây sửa này của anh Vinh, do vậy tài sản được sửa chữa vẫn thuộc tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 5 hợp đồng thế chấp, ngân hàng QN được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của anh NTP, chị NTHN khi anh NTP, chị NTHN không trả được nợ.

Từ phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

[9]. Xét về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị bị đơn trả nguyên đơn số tiền chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, xét theo phạm vi ủy quyền tại giấy ủy quyền số 55948.21 ngày 27/7/2021 của Ngân hàng QN người được ủy quyền không được quyền bổ sung đơn khởi kiện. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu bổ sung trên của ngân hàng.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn không có đề nghị gì nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[10]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 37, Điều 147, Điều 273, Điều 474, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 130 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 715 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán TANDTC;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần QN.

1. Buộc anh NTP, chị NTHN phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần QN số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/10/2021) là: 976.185.463đ trong đó: nợ gốc 391.478.975đồng, lãi trong hạn 15.667.073đồng, lãi quá hạn 569.039.415đồng theo Hợp đồng tín dụng số 029/HĐTD1-QN060/13 ngày 25/01/2013 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần QN và anh NTP, chị NTHN.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần QN thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần QN theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần QN.

2. Trường hợp anh NTP, chị NTHN không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần QN thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần QN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại: Diện tích 59m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền là căn nhà 3 tầng trên đất tại thửa số 172, tờ bản đồ 04 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 689637 cấp ngày 16/8/2007 cho ông NLQ1 và bà NLQ2 tại số I, phường J, quận H, thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà số 029/2013/BĐ ngày 26/01/2013 số công chứng 0395.CCV/2013.HĐTC quyền số 01. AP-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/01/2013 tại Văn phòng công chứng An Phát, thành phố Hải Phòng.

Ông NLQ1, bà NLQ2 được quyền ưu tiên mua tài sản phát mại.

Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh NTP, chị NTHN phải có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần QN.

Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm còn thừa thì trả cho ông NLQ1, và bà NLQ2.

### 3. Về án phí sơ thẩm:

Anh NTP, chị NTHN phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm làm tròn là 41.285.563 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần QN số tiền tạm ứng án phí là 18.730.000đ theo biên lai thu tiền số 0013976 ngày 13 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay niêm yết theo quy định pháp luật. Anh NTP vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi Cục THADS quận Lê Chân;
- Cục THADS TP. Hải Phòng;
- Lưu: HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Dương**